

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Vũ Thị Hải*, Trần Quang Trung

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vuhaike@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 27.10.2024

Ngày chấp nhận đăng: 18.12.2024

TÓM TẮT

Các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam đã khẳng định vai trò quan trọng của kiểm soát nội bộ, trong đó có hoạt động đánh giá rủi ro trong việc giúp đơn vị hạn chế rủi ro, đạt được mục tiêu. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phản ánh thực trạng đánh giá rủi ro tại các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam trên cơ sở vận dụng khung kiểm soát nội bộ theo mô hình COSO. Dựa trên thống kê mô tả, hoạt động đánh giá rủi ro tại các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay ở mức trung bình, trong đó hoạt động phân tích rủi ro và xác định các phương án, cách thức ứng phó với rủi ro được đánh giá ở mức thấp nhất. Qua phân tích thực trạng hoạt động đánh giá rủi ro của hợp tác xã, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị cho hợp tác xã nhằm hoàn thiện hoạt động đánh giá rủi ro bao gồm (i) nâng cao nhận thức của Ban quản lý hợp tác xã và thành viên về vai trò của công tác đánh giá rủi ro; (ii) đào tạo, tập huấn cho hợp tác xã về hoạt động đánh giá rủi ro; và (iii) hoạt động đánh giá rủi ro cần được đưa vào xem xét trong các hoạt động chính của các hợp tác xã.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ, hợp tác xã nông nghiệp, đánh giá rủi ro.

Internal Control in Agricultural Cooperatives in Vietnam: Identifying Gaps in Risk Assessment

ABSTRACT

Studies worldwide and in Vietnam have highlighted the critical role of internal control, including risk assessment activities in economic organization, helping risk management units achieve their goals. This study aimed to evaluate the current state of risk assessment practices in agricultural cooperatives in Vietnam, applying the internal control framework based on the COSO model. Descriptive statistics reveal that the overall state of risk assessment in agricultural cooperatives was at a moderate level. However, activities related to risk analysis and assessment, as well as identifying strategies and methods for risk response, were rated as weak. Based on an analysis of the existing risk assessment practices and control activities in the cooperatives, the study offers several recommendations. These include raising awareness among cooperative management boards and members about the importance of risk assessment, integrating risk assessment into core cooperative activities, and implementing appropriate control measures tailored to specific risk groups.

Keywords: Internal control, agricultural cooperative, risk assessment.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác xã (HTX) là mô hình kinh tế tập thể, do cách thành viên (TV) cùng chung lợi ích, tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu chung của TV, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình

đẳng và dân chủ trong quản lý, kiểm soát hoạt động (Quốc hội, 2012). HTX trở thành một bộ phận không thể thiếu trong nền kinh tế, ngoài đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, đặc biệt, HTX ở khu vực nông nghiệp, có vai trò quan trọng trong mục tiêu tăng trưởng bền vững, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và cải thiện môi trường (Ngô Thị Ngọc Anh, 2020).

HTX hoạt động có hiệu quả sẽ mang lại các lợi ích cho hộ TV như giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng quản lý chất lượng sản phẩm, tăng khả năng tiếp cận thị trường, tiếp cận các chính sách hỗ trợ, được hỗ trợ về đào tạo, kỹ thuật, được mua các yếu tố đầu vào và bán sản phẩm đầu ra với giá ổn định/cạnh tranh... từ đó tăng thu nhập cho TV. Tương tự như các doanh nghiệp, mô hình tổ chức khác, để hoạt động có hiệu quả thì cần phải có sự quản lý, vận hành tổ chức một cách hiệu quả, trong đó, kiểm soát nội bộ (KSNB) được xem là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của HTX, phản ánh hiệu quả của quản trị HTX (Shafie, Othman, Halim, Sanusi, & Johari, 2018), tác động đến hiệu quả hoạt động và bền vững của HTX (Shabri & cs., 2016). HTX đóng vai trò hỗ trợ, kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất của TV bằng hệ thống KSNB (Schwartzman & cs., 2010) nhằm đảm bảo hộ TV tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc. Theo COSO (2013) KSNB là quy trình được thực hiện bởi ban lãnh đạo, các cá nhân trong đơn vị, được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý cho đơn vị để đạt được các mục tiêu về hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động; sự tin cậy của báo cáo tài chính (BCTC) và sự tuân thủ các quy định hiện hành; giảm thiểu rủi ro, đạt được mục tiêu đề ra.

Lý thuyết quản lý rủi ro xem xét sự phát triển bền vững của đơn vị trong môi trường không chắc chắn. Lý thuyết này có 4 khía cạnh gồm: xác định rủi ro, đo lường, giải thích lý thuyết và kiểm soát rủi ro, trong đó khía cạnh xác định rủi ro (nhận diện, phân tích rủi ro) được xem là nội dung toàn diện nhất (Zhang & Hui, 2014) và phổ biến trong nghiên cứu về rủi ro. Brouthers (2002) tổng hợp từ các nghiên cứu và phân loại các bất ổn trong môi trường đã xây dựng mô hình nhận diện rủi ro gồm 6 loại: rủi ro chính sách, rủi ro kinh tế vĩ mô, rủi ro nguồn lực, rủi ro thị trường, rủi ro cạnh tranh và rủi ro công nghệ. Zhang & Hui (2014) nhận diện có 21 rủi ro mà các HTX nông nghiệp ở Trung Quốc có thể gặp phải, trong đó tập trung vào 8 nhóm rủi ro chính gồm: Rủi ro thị trường sản phẩm, rủi ro chính sách, rủi ro cạnh tranh, rủi ro tài chính,

rủi ro nguồn nhân lực, rủi ro hành vi, rủi ro ra quyết định, và rủi ro công nghệ bên cạnh rủi ro biến đổi khí hậu, môi trường tự nhiên.

Việt Nam với hơn 65% dân số làm nghề nông, vai trò của mô hình HTX nông nghiệp (HTXNN) lại càng quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn (Le Thi Thanh Xuan & cs., 2023). Số lượng HTXNN phát triển nhanh trong 20 năm trở lại đây, tăng gần 86,7% so với năm 2013 lên 19.431 HTX năm 2022, nhưng quy mô TV lại giảm hơn 60%, xuống 195 người/HTX năm 2022 (Bộ NN&PTNT, 2023). Tỷ lệ HTXNN hoạt động tốt chiếm 16%, trong khi đó tỷ lệ HTXNN hoạt động trung bình, yếu chiếm gần 50% (Bộ NN&PTNT, 2023), bên cạnh đó, số lượng HTX giải thể, ngừng hoạt động vẫn còn tương đối cao (1390 HTXNN năm 2022). Với mục tiêu tiếp tục phát triển mô hình HTXNN góp phần đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập cho TV, nhưng trong bối cảnh trong nước, quốc tế có nhiều biến động như hiện nay, các thách thức mà HTXNN nói riêng, các chủ thể khác trong nền kinh tế nói chung đang phải đối mặt ngày càng tăng. Do vậy, về phía HTX, việc thiết lập các hoạt động KSNB nhằm ngăn ngừa, phát hiện kịp thời các rủi ro, yếu kém, có các biện pháp kiểm soát phù hợp để giảm thiểu thất thoát, thiệt hại do rủi ro gây ra và giúp HTX đạt được mục tiêu là cần thiết. Kết quả của hoạt động đánh giá rủi ro (ĐGR) là cơ sở để đưa ra được hoạt động kiểm soát (HĐKS) phù hợp, đặc biệt trong điều kiện hạn chế về nguồn lực.

Bài viết nhằm phản ánh thực trạng hoạt động ĐGR tại các HTXNN ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những điểm còn hạn chế trong ĐGR hiện tại của HTX, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động ĐGR cho HTXNN.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiếp cận dựa trên mô hình COSO (2013), ĐGR là hợp phần thứ 2 trong 5 hợp phần KSNB bên cạnh môi trường kiểm soát, HĐKS, thông tin truyền thông và giám sát. ĐGR là hợp phần quan trọng, là căn cứ để thiết lập các

HĐKS phù hợp (Nguyễn Thị Kim Anh & Nguyễn Thị Phương Hoa, 2018) nhằm kiểm soát được rủi ro, đạt được mục tiêu, đặc biệt trong điều kiện HTXNN quy mô nhỏ, nguồn lực còn hạn chế. Nội dung ĐGRR bao gồm quá trình nhận diện (xác định mục tiêu, nhận diện rủi ro, nguy cơ), phân tích các rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị, và có cách thức để ứng phó với rủi ro (COSO, 2013; Shabri & es., 2016). Nghiên cứu này tiếp cận ĐGRR theo mô hình COSO (2013) với các nội dung khảo sát thông qua các chỉ tiêu ở bảng 1.

Các thông tin khảo sát được thu thập và phân tích trên cơ sở thống kê mô tả và tính toán hoạt động theo thang đo Likert 5 mức độ (1: Rất kém; 2: Kém; 3: Trung bình; 4: Tốt; 5: Rất tốt) cho các chỉ tiêu đo lường. Mức điểm được tổng hợp và chia theo thang Likert với bước nhảy 0,8 ở các mức: từ 1 đến 1,8: Rất kém; từ 1,8 đến 2,6: Kém; từ 2,6 đến 3,4: Trung bình; từ 3,4 đến 4,2:

Tốt và từ 4,2 đến 5: Rất tốt.

Thực trạng hoạt động ĐGRR tại các HTXNN ở Việt Nam được phản ánh trên cơ sở kết quả khảo sát tại 398 HTXNN thuộc 5 vùng kinh tế. Kết quả ĐGRR tại các HTXNN được so sánh với cơ sở lý thuyết rủi ro tiềm tàng (được nhận diện trên bối cảnh phát triển HTX hiện tại); và hiện trạng nguồn lực, các hoạt động quan sát được tại HTXNN để chỉ ra những hạn chế trong hoạt động ĐGRR tại các HTXNN hiện nay (Hình 1).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

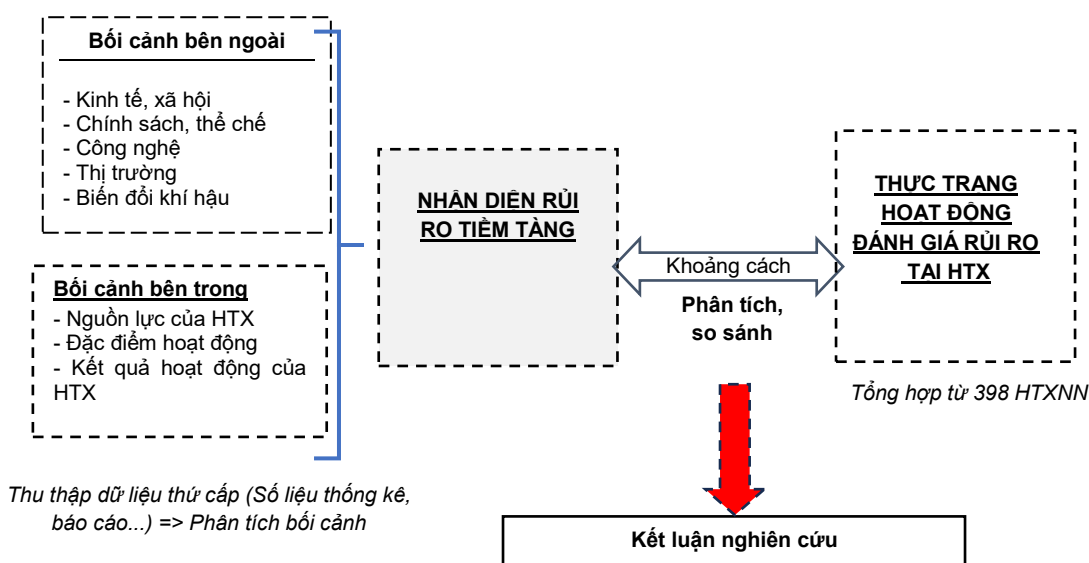
3.1. Bối cảnh phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam

3.1.1. Bối cảnh bên ngoài

Bối cảnh kinh tế, xã hội tiềm ẩn rủi ro công nghệ, rủi ro cạnh tranh, rủi ro thị trường

Bảng 1. Nội dung đánh giá rủi ro trong hoạt động KSNB

Mã hóa	Nội dung	Nguồn
ĐGRR1	Xác định các mục tiêu rõ ràng, phù hợp.	Mathew (2019); COSO (2013)
ĐGRR2	Nhận diện các rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu của HTX.	Mathew (2019); COSO (2013)
ĐGRR3	Phân tích và ĐGRR tiềm tàng liên quan đến toàn bộ hoạt động của HTX	COSO (2013)
ĐGRR4	Xem xét đến các thay đổi lớn, các nguy cơ gian lận có thể ảnh hưởng đến hoạt động của HTX.	(Mathew (2019); COSO (2013)
ĐGRR5	Xây dựng phương án, cách thức ứng phó với rủi ro, gian lận.	Mathew (2019); COSO (2013)



Hình 1. Khung phân tích đánh giá rủi ro trong HTX nông nghiệp

Hội nhập kinh tế quốc tế với các cam kết “mở cửa” thị trường về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư theo các hiệp định mậu dịch tự do; xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, tạo cơ hội mở rộng thị trường cho HTXNN nhưng cũng làm gia tăng rủi ro cạnh tranh.

Xu hướng chung của thế giới hướng đến tiêu dùng sản phẩm an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng cao, đặc biệt là hàng nông sản hữu cơ, đòi hỏi các HTX phải thích ứng với thị trường bằng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Điều này dẫn đến nguy cơ rủi ro chất lượng sản phẩm của HTXNN không đạt yêu cầu, dẫn đến không cạnh tranh được hoặc mất uy tín, danh tiếng.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mở ra các cơ hội đổi mới, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý, bán hàng... nhằm kiểm soát tốt chi phí, chất lượng sản phẩm, góp phần hạ giá thành, nâng cao chất lượng, tăng hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường... cho HTXNN, tuy nhiên, hạn chế về nguồn lực tài sản/vốn, nhân lực, cơ sở hạ tầng (Vũ Thị Hải & cs., 2023)... dẫn đến nguy cơ các HTXNN sẽ gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận, ứng dụng công nghệ, sẽ thua về cạnh tranh so với các loại hình tổ chức khác.

Giai đoạn 2020-2023, thế giới đã trải qua nhiều biến động lớn, từ dịch bệnh, bất ổn chính trị, tác động làm tăng chi phí đầu vào, gián đoạn lưu thông hàng hóa, thị trường không ổn định (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Những biến động này tác động đến mọi thành phần trong nền kinh tế trong đó có HTXNN, làm gia tăng rủi ro thị trường, rủi ro cạnh tranh.

Môi trường pháp lý, thể chế, chính sách tạo hành lang pháp lý nhưng cũng là nguồn gốc phát sinh rủi ro tuân thủ (rủi ro chính sách)

Công tác tổ chức, quản lý hoạt động SXKD của HTXNN phải tuân theo các quy định trong Luật HTX (ban hành năm 1996; 2003; 2012 và 2023), các luật có liên quan (Kế toán, thuế, bảo hiểm, lao động, đất đai..., các văn bản hướng dẫn và thông tư, nghị định, quyết định từ trung ương đến địa phương. Thể chế, chính sách tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ, thúc đẩy HTXNN

phát triển. Tuy nhiên, với việc cùng một lúc chịu sự tác động của nhiều Luật, nhiều quy định, đôi khi chưa có hướng dẫn rõ ràng, cụ thể, hoặc quy định chồng chéo, không nhất quán giữa các văn bản (Lê Hưng, 2022), gây ra khó khăn cho công tác tổ chức, quản lý hoạt động của HTX, có thể dẫn đến việc không tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tại HTXNN.

Ngoài ra, cơ chế quản lý Nhà nước và hệ thống các cơ quan, tổ chức hỗ trợ về mặt hành chính đối với hoạt động của HTXNN ở Việt Nam với sự tham gia của ba cấp chính thức từ Trung ương đến địa phương (Hình 2), gây ra không ít thách thức cho các HTX vì sự hợp tác, tích hợp tài liệu giữa các cấp cũng như các cơ quan trong cùng một cấp hiện nay được đánh giá là thấp. Trong một số trường hợp, cơ quan quản lý đã ban hành một số hướng dẫn có sự chồng chéo, không tích hợp tài liệu hoặc mâu thuẫn với nhau (Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ NN&PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở NN&PTNT...) dẫn đến giấy tờ, báo cáo các HTX phải nộp hàng năm cho các cơ quan nhiều,... điều này vô hình chung gây những chồng chéo, tạo gánh nặng cho chính hoạt động của HTX.

Dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến bất thường dẫn đến rủi ro SXKD (mất mùa, năng suất giảm), rủi ro tài chính: Đây là đặc thù của lĩnh vực nông nghiệp và rủi ro đặc thù mà HTXNN gặp phải Zhang & Hui Huang, (2014). Các diễn biến bất lợi về thời tiết, khí hậu tác động trực tiếp đến cây trồng, vật nuôi, làm cho năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, thậm chí gây mất trắng mùa màng (VICEM, 2016), thiệt hại về tài sản, tài chính.

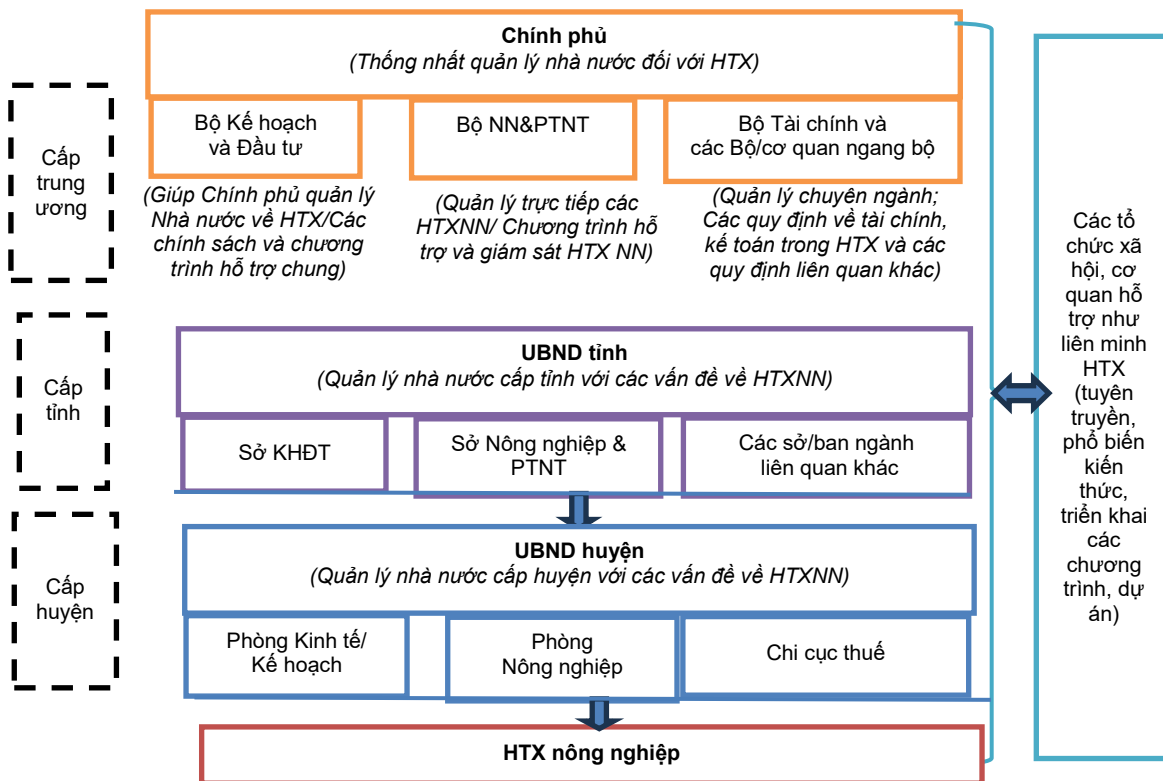
3.1.2. Bối cảnh bên trong

Hoạt động của HTXNN ở Việt Nam chủ yếu ở mảng trồng trọt, chăn nuôi sơ chế, chế biến sản phẩm (gần 55%), tập trung nhiều ở miền Núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, đây là hoạt động chịu tác động nhiều bởi rủi ro do biến đổi khí hậu, cạnh tranh, thị trường, tài chính, công nghệ (VICEM, 2016). Tỷ lệ khá lớn các HTX có cung ứng dịch vụ đầu vào (bơm tưới, làm đất, dự thính dự báo...) phục vụ cho sản xuất nông

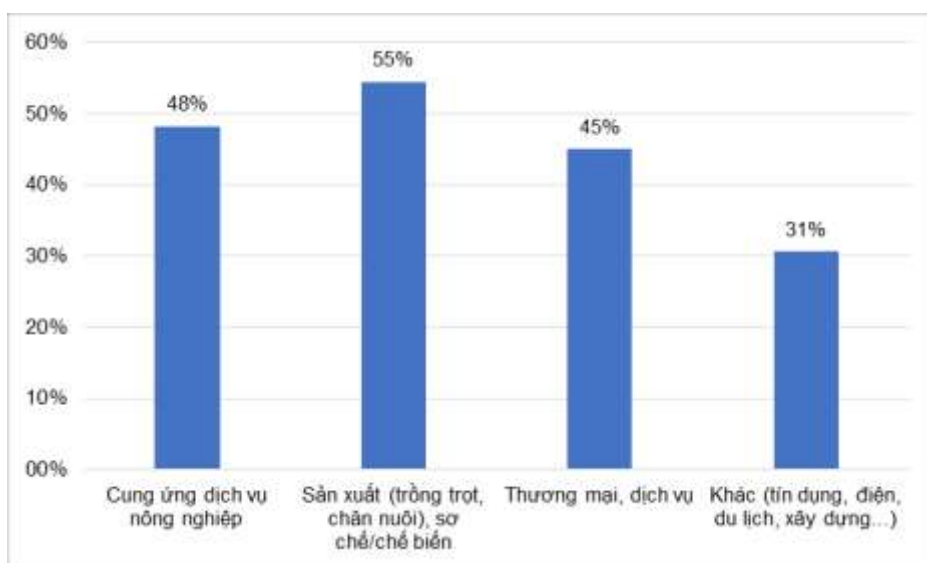
ng nghiệp (48,2%), tập trung nhiều ở khu vực đồng bằng sông Hồng, và đồng bằng sông Cửu Long, gắn với đặc thù sản xuất nông nghiệp của vùng. Ngoài ra, 45% số HTX khảo sát có thêm hoạt động thương mại (mua, bán vật tư, sản phẩm).

Xét về quy mô tài sản, tổng tài sản bình quân/HTX năm 2022 đạt hơn 3,61 tỷ đồng, có

đến 80% số HTXNN là quy mô nhỏ và siêu nhỏ (với giá trị tổng tài sản dưới 5 tỷ đồng/HTX), chỉ có khoảng 20% số HTX có quy mô tổng tài sản trên 5 tỷ đồng. Đây cũng là thực trạng chung về nguồn lực của HTXNN ở Việt Nam hiện nay, với hạn chế về vốn, tài sản sẽ gây khó khăn không nhỏ cho hoạt động của HTX.



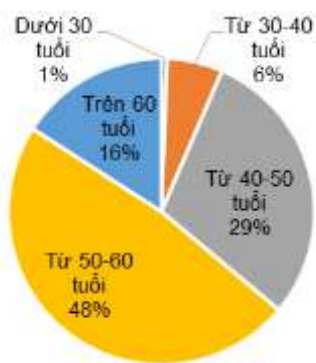
Hình 2. Các cấp quản lý HTX nông nghiệp



Hình 3. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của HTX nông nghiệp (năm 2023)

Bảng 2. Đặc điểm cơ bản của HTX nông nghiệp khảo sát (năm 2023)

Tiêu chí	ĐVT	Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Độ lệch
Số thành viên	Người	269,3	3.200,0	4,0	553,1
Số năm hoạt động	Năm	7,6	23,0	1,0	3,6
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.610,0	60.000,0	5,0	5.788,2
Tổng doanh thu	Triệu đồng	3.938,7	70.000,0	5,0	7.152,7



Hình 4. Cơ cấu độ tuổi ban quản lý



Hình 5. Cơ cấu trình độ đào tạo ban quản lý

Trong khi đó, nguồn nhân lực ở bộ phận quản lý gồm ban giám đốc (BGĐ), ban kiểm soát (BKS) độ tuổi trên 50 chiếm đa số (hơn 64%); độ tuổi dưới 40 chiếm tỷ lệ rất nhỏ (chưa đến 5% với BKS; 10% với BGĐ) (Hình 4). Ngoài ra, tỷ lệ nhân lực ở bộ phận quản lý được đào tạo từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ trọng nhỏ nhất (Hình 5), chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ lớn nhất (39%). Đây sẽ là rào cản rất lớn cho hoạt động của HTX nói chung, HĐKS và ĐGRR trong HTX nói riêng.

3.2. Thực trạng nhận diện rủi ro trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam

Nhận diện rủi ro là cơ sở để thực hiện phân tích, đánh giá và đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp nhằm đạt được mục tiêu. Kết quả khảo sát từ các HTX nông nghiệp cho thấy, hơn 68% số HTX có nhận diện rủi ro, tuy nhiên trong số đó, gần 15% số HTX không xác định được rủi ro cụ thể, 29% số HTX không trao đổi, cập nhật thông tin về rủi ro trong quá trình hoạt động giữa ban lãnh đạo HTX.

Tại các HTX nông nghiệp khảo sát, công tác nhận diện rủi ro được thực hiện bởi ban lãnh đạo HTX khi xây dựng kế hoạch đầu năm hoặc

trong các cuộc họp định kỳ theo quý, mùa vụ. Các HTX phần lớn mới dừng ở việc “gọi tên”, “chỉ ra” rủi ro chứ chưa phân tích, đánh giá khả năng xảy ra, mức độ tác động cụ thể với từng rủi ro để có các phương án ứng phó, phòng ngừa. Về nhận diện rủi ro, có 7 nhóm/loại rủi ro được các HTXNN chỉ ra, trong đó tập trung chủ yếu là rủi ro do tác động của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh; rủi ro thị trường; rủi ro hoạt động và rủi ro tài chính, tín dụng (Hình 6). Tỷ lệ HTX nhận diện có rủi ro thời tiết, dịch bệnh khá cao, đây là rủi ro do tác động của môi trường bên ngoài gắn với đặc thù sản xuất nông nghiệp của HTX. Rủi ro tuân thủ và rủi ro về nguồn nhân lực, tổ chức được ít HTX chỉ ra nhất, trong khi thực tế chất lượng nguồn nhân lực hiện nay ở HTX nông nghiệp nói chung, HTX nông nghiệp khảo sát nói riêng còn nhiều hạn chế (yếu kém về chuyên môn, trình độ...).

3.3. Thực trạng đánh giá rủi ro trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam

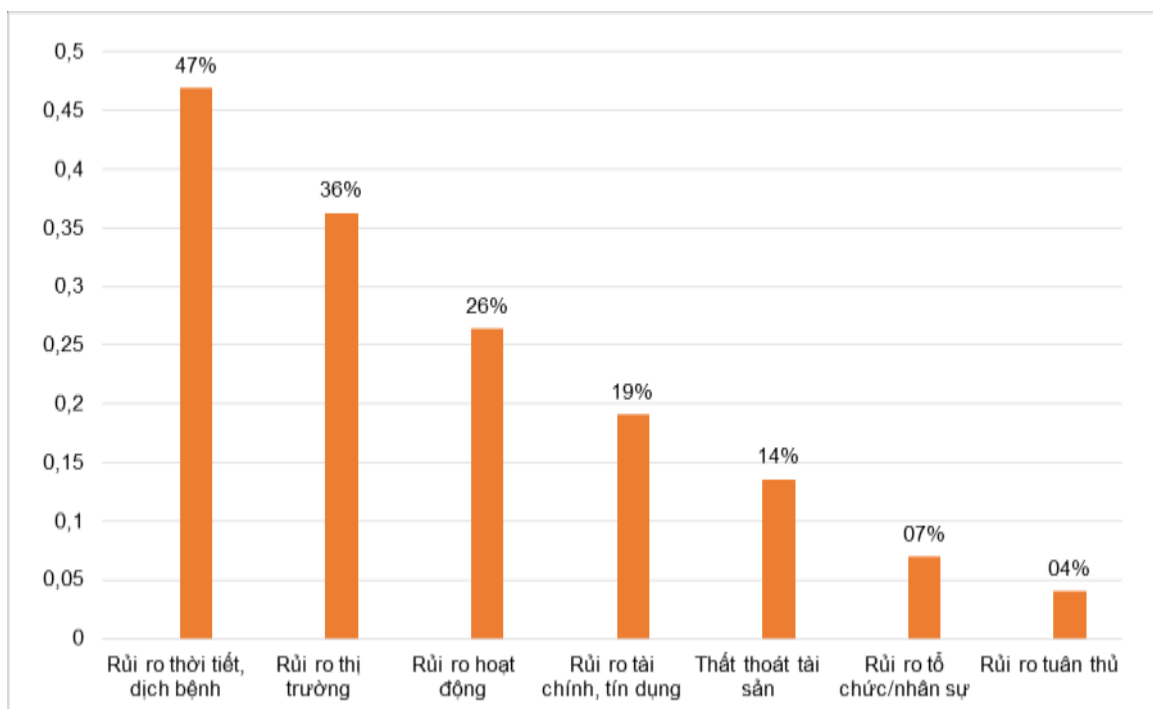
3.3.1. Thực trạng hoạt động đánh giá rủi ro

Trong ĐGRR, xác định mục tiêu là căn cứ để nhận diện rủi ro “trúng” và “gắn” với hoạt động, mục tiêu của HTX. Phân tích, đánh giá

khả năng xảy ra và mức độ thiệt hại (tác động) của rủi ro sẽ là căn cứ để lựa chọn các cách thức ứng phó phù hợp với nguồn lực của HTX. Các nội dung trong hoạt động ĐGRR theo COSO (2013) cơ bản đã được các HTXNN thực hiện, tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ khá cao số HTX không nhận diện rủi ro (31,4%), chưa thực hiện phân tích rủi ro (36,4%) và không đưa ra cách thức

ứng phó với rủi ro đã được nhận diện (33,2%).

Chỉ có khoảng 5% số HTX cho rằng có thực hiện phân tích, ĐGRR bài bản trên tiêu chí khả năng xảy ra, mức độ tác động để đánh giá mức độ rủi ro; đây là những HTX cũng đã được tiếp cận cách ĐGRR thông qua tập huấn của một số tổ chức hỗ trợ (một số HTX ở Sơn La, Thái Nguyên, Trà Vinh, An Giang).



Hình 6. Một số loại rủi ro được các HTX nông nghiệp nhận diện (năm 2022-2023)

Bảng 3. Thực trạng hoạt động đánh giá rủi ro tại HTXNN (năm 2022-2023)

Nội dung	Hiện trạng
Xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu	19,5% HTX chưa lập kế hoạch. 35% HTX lập kế hoạch căn cứ vào nhu cầu thị trường, đơn đặt hàng
Nhận diện rủi ro	31,4% HTX không nhận diện rủi ro.
Phân tích, ĐGRR	36,4% HTX không phân tích, ĐGRR.
Nhận diện nguy cơ gian lận, thông tin bất thường	33% HTX không có kênh tiếp nhận thông tin báo cáo bất thường. 33% HTX lập kế hoạch chỉ căn cứ vào ước tính của BGD.
Quy trình, cách thức ứng phó với rủi ro	33,2% HTX không có quy trình, ứng phó rủi ro.

Bảng 4. Hoạt động đánh giá rủi ro trong HTXNN ở Việt Nam (năm 2022-2023)

Nội dung	Điểm bình quân	Mức độ
Nhận diện rủi ro (DGRR1, DGRR2, DGRR4)	3,36	Trung bình
Phân tích, ĐGRR (DGRR3)	2,76	Trung bình
Ứng phó với rủi ro (DGRR5)	2,63	Trung bình

3.3.2. Mức độ hoạt động đánh giá rủi ro

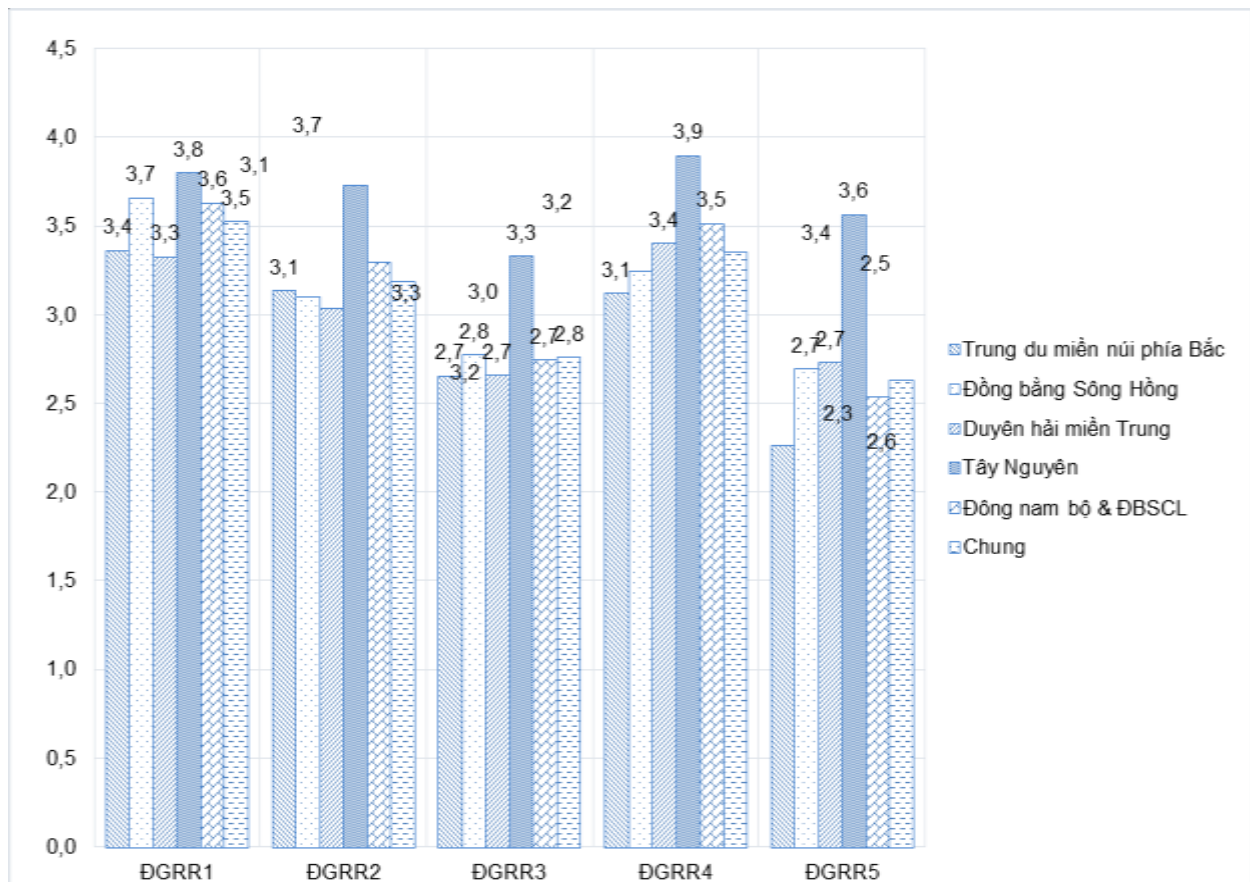
Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động ĐGRR ở các HTXNN được đánh giá ở mức trung bình. Trong đó, nội dung “xây dựng quy trình, phương án hay cách thức ứng phó với rủi ro” một cách chính thống được các HTX đánh giá kém nhất, chỉ có hơn 20% số HTX cho rằng hoạt động này ở HTX ở mức trên trung bình, còn lại đa số các HTX không ban hành quy trình hay cách thức ứng phó với rủi ro, nguy cơ gian lận được nhận diện.

Trên 80% số HTX cho rằng việc xác định mục tiêu là rõ ràng, cụ thể, gắn với hoạt động của HTX, trong đó có mục tiêu hoạt động và mục tiêu tài chính. Về cơ bản, công tác nhận diện rủi ro ở HTX được thực hiện ở ngưỡng trên của mức trung bình, với gần 70% số HTX đánh giá tiêu chí này ở mức trung bình trở lên, hơn 30% số HTX đánh giá hoạt động này ở mức yếu kém.

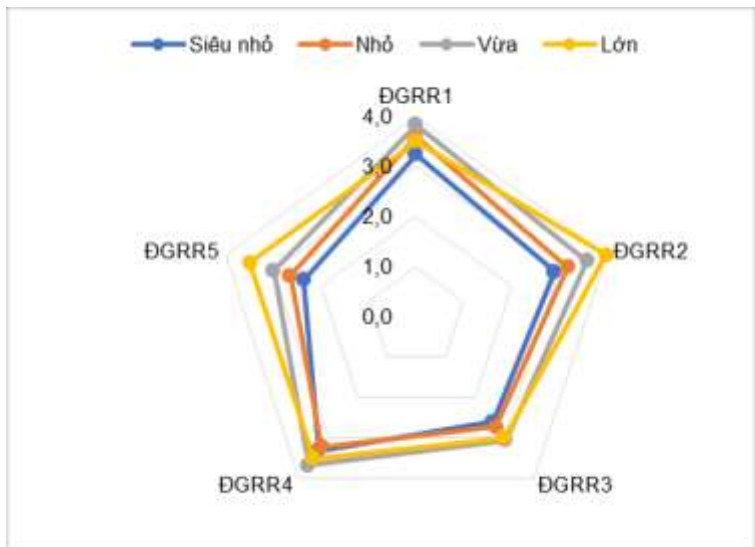
Xét theo vùng, có sự khác biệt về mức độ

ĐGRR giữa các vùng, theo đó, các HTX ở khu vực Tây Nguyên có xu hướng ĐGRR tốt hơn các vùng còn lại ở cả 5 tiêu chí. Các HTXNN ở vùng này trong nhóm khảo sát tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng, một số ở Đắk Lắk, là những HTX sản xuất, có cả sơ chế, chế biến, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, xuất bán cho các đối tác là siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch (HTX Tân Tiến), xuất khẩu (HTX Laba Banana).

Mức độ ĐGRR giữa các nhóm HTX theo quy mô tài sản có sự khác biệt, theo đó, nhóm HTX có quy mô lớn (trên 50 tỷ) và quy mô vừa (từ 5 đến 50 tỷ) cả 5 nội dung trong ĐGRR đều cao hơn so với các nhóm còn lại (Hình 8). Các HTX có quy mô tài sản lớn hơn có xu hướng ĐGRR tốt hơn, điều này có thể lý giải bởi sự “bất an” của HTX khi đầu tư vốn, tài sản lớn cho hoạt động SXKD, họ sẽ chú trọng hơn đến công tác ĐGRR. Với HTX quy mô nhỏ và siêu nhỏ, nội dung phân tích, ĐGRR (ĐGRR3) và ứng phó với rủi ro (ĐGRR5) đang là yếu nhất.



Hình 7. Sự khác biệt về đánh giá rủi ro giữa các nhóm HTX theo vùng kinh tế (năm 2022-2023)



Hình 8. Sự khác biệt về đánh giá rủi ro giữa các nhóm HTX theo quy mô tài sản (năm 2022-2023)

Bảng 5. Một số hạn chế trong nhận diện, ứng phó với rủi ro (năm 2023)

Rủi ro được HTX nhận diện (%)	So sánh	Hiện trạng HTX qua quan sát	Hạn chế
Rủi ro tuân thủ (4%)	↔	18,3% GD kiêm chủ tịch HĐQT 3% không có HĐQT 2,3% không có BKS/KSV 20,1% không bố trí kế toán, không nộp BCTC 2,8% không ban hành điều lệ	HTX nhận diện thấp hoặc ít hơn nguy cơ rủi ro tuân thủ có thể xảy ra.
Rủi ro nhân sự (7%)		43% không có chính sách, quy chế nhân sự 47,8% BKS chưa qua đào tạo 29,9% BGD chưa qua đào tạo 67,6% ban quản lý ở độ tuổi trên 50	HTX nhận diện thấp hoặc ít hơn nguy cơ rủi ro tuân thủ có thể xảy ra.
Rủi ro thất thoát tài sản (14%)		22% không kiểm kê tài sản định kỳ.	HTX nhận diện thấp hoặc ít hơn nguy cơ rủi ro tuân thủ có thể xảy ra.
Rủi ro tài chính, tín dụng (19%)		46,7% Không có đầy đủ sổ chi tiết, BCTC 32% BCTC dùng cho mục đích vay vốn	HTX nhận diện thấp hoặc ít hơn nguy cơ rủi ro tuân thủ có thể xảy ra.
Rủi ro sản xuất (26%)		25% không ban hành quy trình sản xuất 84,5% không áp dụng công nghệ trong sản xuất	HTX nhận diện thấp hoặc ít hơn nguy cơ rủi ro tuân thủ có thể xảy ra. Chưa có cơ chế kiểm soát phù hợp
Rủi ro thị trường (36%)		Chỉ 35% lập kế hoạch theo đơn hàng, nhu cầu thị trường	Chưa có biện pháp ứng phó phù hợp.
Rủi ro thời tiết, dịch bệnh (47%)		100% chưa mua bảo hiểm nông nghiệp 84,5% không có phần mềm QL SX	Chưa có biện pháp ứng phó phù hợp.

3.4. Thảo luận và khuyến nghị

3.4.1. Thảo luận

Nhận diện rủi ro còn khoảng trống so với các nguy cơ rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra

Theo VICEM (2016), trong quá trình hoạt động SXKD hiện nay, các HTX nông nghiệp có

thể gặp các rủi ro tiềm tàng như rủi ro tài chính, tín dụng; rủi ro trong hoạt động SXKD; rủi ro về nhân sự, tổ chức; rủi ro thị trường và rủi ro tuân thủ. Các HTXNN khảo sát đã chỉ ra 7 nhóm rủi ro mà HTX gặp phải trong quá trình hoạt động SXKD, tuy nhiên tỷ lệ HTX nhận diện ra từng loại rủi ro có sự khác biệt với thực

tế quan sát và nhận định của tác giả về các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh từ bối cảnh phát triển HTX và từ nguồn lực, thực trạng hoạt động của HTX hiện nay (Bảng 5).

Với rủi ro tuân thủ: chỉ có 4% số HTX nhận diện có rủi ro này, tuy nhiên, khi thảo luận về nhóm rủi ro này liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, công tác kế toán, tài chính với các HTX ở Lạng Sơn, Ninh Thuận, Hà Nội, An Giang, Hải Dương và Sơn La, thì vẫn khá phổ biến tình trạng các HTX đều chưa tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành liên quan đến: Tổ chức bộ máy *như kiêm nhiệm chủ tịch HĐQT và giám đốc; Không bố trí người phụ trách công tác kế toán; Không thành lập BKS; Công tác kế toán tài chính như áp dụng sai chế độ kế toán, không/chưa nộp BCTC đầy đủ, không tổ chức ghi chép, hạch toán, ghi chép hạch toán sai...* (Vũ Thị Hải & cs., 2022) mà HTX lại không nhận diện ra được rủi ro này, hoặc cũng có thể vấn đề này đang còn bị “xem nhẹ” tại các HTX, và họ cũng chưa coi đó là “rủi ro của HTX”.

Rủi ro nhân sự: chỉ 7% số HTX nhận diện có rủi ro này, trong khi đó phần lớn HTX lao động trong bộ phận quản lý độ tuổi trên 50 rất cao (Bảng 5), tỷ lệ chưa qua đào tạo hoặc mới tập huấn ngắn hạn còn rất lớn. Điều này dẫn đến thiếu lao động có trình độ chuyên môn trong HTXNN.

Rủi ro tài chính, tín dụng được 19% số HTX chỉ ra, tuy nhiên phần đa các HTX cho rằng HTX gặp các rủi ro do không thu hồi được nợ, nợ xấu, ít HTX chỉ ra tình trạng bị thiếu vốn trong nhóm rủi ro này. Trong khi đó, nguồn lực tài sản, vốn ở các HTXNN ở Việt Nam hiện nay còn rất khiêm tốn, vốn hoạt động năm 2023 đạt trung bình 1,7 tỷ đồng; HTX gặp khó khăn trong tiếp cận các nguồn tín dụng chính thống, BCTC lập chưa được sử dụng nhiều cho mục đích vay vốn. Đây cũng là rủi ro chính mà HTXNN ở Trung Quốc phải đối mặt (Zhang & Hui, 2014).

Rủi ro thời tiết, dịch bệnh và rủi ro thị trường khả năng xảy ra cao hơn thực tế nhận diện ở các HTX hiện nay, khi mà biến động thị trường với các bất ổn chính trị gia tăng; thời tiết cực đoan hơn; tỷ lệ HTX lập kế hoạch sản xuất

dựa trên phân tích thông tin thị trường lại chưa cao (Bảng 3 và 5). HTX thiếu nguồn tài chính để áp dụng các biện pháp chia sẻ, giảm thiểu rủi ro như mua bảo hiểm, liên doanh, liên kết mở rộng hoạt động. Ngoài ra, còn một số rủi ro có nguy cơ cao nhưng chưa được HTX nhận diện như: rủi ro công nghệ, rủi ro cạnh tranh.

Phân tích, ĐGRR và đưa ra các biện pháp phòng ngừa chưa được chú trọng, đặc biệt các HTXNN quy mô nhỏ

Hoạt động ĐGRR nhìn chung ở các HTXNN được thực hiện ở mức trung bình, trong đó phân tích, ĐGRR và đưa ra kế hoạch, biện pháp ứng phó với rủi ro được thực hiện ở mức yếu nhất trong các nội dung của công tác ĐGRR. Đặc biệt HTXNN quy mô nhỏ và siêu nhỏ ít quan tâm đến hoạt động ĐGRR, nguyên nhân một phần do hạn chế về tài sản, tài chính, một phần do nhận thức của ban lãnh đạo HTXNN về sự cần thiết của ĐGRR trong hoạt động của HTX. Ngoài ra, cũng một phần do thói quen hoặc quan niệm, nhận thức trong hoạt động, khi HTX cho rằng quy mô nhỏ, ít hoạt động thì ít rủi ro, và “không cần ĐGRR” vì nó phức tạp. Thực tế, ĐGRR tốt sẽ hỗ trợ tốt cho HTX trong sử dụng nguồn lực có hiệu quả để kiểm soát rủi ro, đạt được mục tiêu. Bên cạnh đó, với các rủi ro đã được nhận diện, các biện pháp ứng phó với rủi ro ở HTX còn thiếu hoặc chưa phù hợp (Bảng 5).

3.4.2. Một số khuyến nghị

Với cơ quan quản lý

Ban hành quy định, tài liệu tập huấn về ĐGRR nói riêng, KSNB nói chung cho HTX: hiện nay trong Luật HTX 2023 đã có quy định về nhiệm vụ của BKS trong đánh giá KSNB và tư vấn quản trị rủi ro; nhưng các văn bản, tài liệu hướng dẫn chưa có. Nội dung ĐGRR hiện tại ở HTXNN còn yếu, do vậy việc ban hành tài liệu hướng dẫn thống nhất cho HTX trong đó có HTXNN là cần thiết.

Với tổ chức hỗ trợ (liên minh, hiệp hội nghề nghiệp và các bên liên quan)

Đào tạo, tập huấn cho HTX về công tác đánh giá ĐGRR (nhận diện, phân tích, đánh giá, ứng phó) cho BKS, ban quản lý HTX.

Hỗ trợ HTX thông qua tư vấn để giúp HTX thực hành ĐGRR từ việc xác định mục tiêu; nhận diện rủi ro; phân tích, ĐGRR; nhận diện các nguy cơ gian lận và đưa ra cách thức ứng phó với rủi ro phù hợp.

Với các HTXNN

Cần chủ động tham gia tập huấn, học tập để nâng cao nhận thức, trình độ về vai trò, tầm quan trọng của công tác ĐGRR trong hoạt động của HTX. Trong bối cảnh “sự không chắc chắn của môi trường” cao, nguy cơ rủi ro lớn, với nguồn lực hạn chế, kết quả nhận diện, phân tích, đánh giá rủi ro là cơ sở để HTX phân bổ, sử dụng nguồn lực có hiệu quả trong kiểm soát rủi ro, đạt được mục tiêu.

Hoạt động ĐGRR nên được đưa vào xem xét trong các hoạt động, nghiệp vụ hàng ngày của HTX. Trước hết, rà soát lại chiến lược, mục tiêu hoạt động của HTX; trên cơ sở đó nhận diện đúng, đủ các rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra; thực hành phân tích, ĐGRR; và căn cứ vào thực trạng của HTX để đưa ra các biện pháp phù hợp để ứng phó với các rủi ro.

Với nhóm HTX quy mô vừa và lớn: tăng cường cả 5 nội dung của hợp phần ĐGRR từ rà soát mục tiêu, nhận diện, phân tích, xem xét thông tin đến ứng phó với rủi ro. Xây dựng quy trình quản lý rủi ro để là tài liệu cho các bộ phận, nhân viên thực hiện nhằm sớm nhận diện rủi ro trong mỗi hoạt động của HTX. Với HTX quy mô nhỏ: Trước hết chú trọng nâng cao, thay đổi nhận thức về vai trò của ĐGRR trong kiểm soát, quản lý. Thực hành tăng cường nhận diện và phân tích rủi ro gắn với hoạt động SXKD của HTX.

4. KẾT LUẬN

HTXNN là mô hình kinh tế tập thể đồng sở hữu, đồng kiểm soát bởi các TV, cạnh tranh công bằng với các chủ thể khác trong nền kinh tế, nhưng lại yếu thế hơn về nguồn lực, bất lợi hơn do nguy cơ rủi ro cao hơn xuất phát từ đặc thù lĩnh vực ngành nghề nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, việc lựa chọn, thiết kế và vận hành các hoạt động KSNB phù hợp với nguồn lực, trên cơ sở tiếp cận rủi ro sẽ góp phần kiểm soát rủi ro,

giúp HTX phát triển bền vững. ĐGRR là hợp phần quan trọng trong hệ thống KSNB của HTX, là cơ sở để lựa chọn và thực hiện các HĐKS phù hợp, tránh kiểm soát thừa, kiểm soát thiếu. Thực trạng công tác ĐGRR hiện nay ở các HTXNN còn nhiều hạn chế, trong đó rủi ro chưa được nhận diện đầy đủ; hoạt động phân tích, ĐGRR rủi ro và đưa ra biện pháp ứng phó với rủi ro được thực hiện ở HTXNN ở mức dưới trung bình. Tăng cường tập huấn đào tạo, nâng cao nhận thức, hiểu biết, cũng như thói quen cho ban lãnh đạo, BKS, TV và người lao động trong HTX về công tác ĐGRR để duy trì hoạt động ĐGRR gắn với hoạt động, nghiệp vụ hàng ngày của HTX là cần được quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT (2023). Toàn cảnh Hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam 2022. Truy cập từ <https://ami.vnua.edu.vn/an-pham-toan-canh-htx-nong-nghiep-nam-2022-voi-chu-de-htx-huong-toi-nen-nong-nghiep-hien-tai-tuan-hoan-phat-thai-thap/> ngày 02/4/2024.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2023. Nhà xuất bản Thống kê.
- Brouthers K.D. (2002). Institutional, cultural and transaction cost influence on entry mode choice and performance. *Journal of International Business Studies*. 33(2): 203-221.
- COSO (2013). Internal Control - Integrated Framework (2013). Retrieved from https://ce.jalisco.gob.mx/sites/ce.jalisco.gob.mx/files/coso_mejoras_al_control_interno.pdf ngày on Aug 12, 2023.
- Le Thi Thanh Xuan, Le Hoai Kieu Giang & Tran Huynh Trang. (2023). Obstacles preventing farmers from participate Agricultural Cooperatives in Vietnam-a study employing mean-end chain theory and laddering interview approach. *Ho Chi Minh city Open university Journal of Science-economics Business Administration*, 13(1):16.
- Lê Hưng (2022). Khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Truy cập tại <https://tuyengiao.vn/khac-phuc-nhung-han-che-vuong-mac-trong-phat-trien-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-146908>, ngày 28/3/2024.
- LuoJ.-L. & Hu Z.-H. (2015). Risk paradigm and risk evaluation of farmers cooperatives' technology innovation. *Economic Modelling*. 44: 80-85.
- Mathew K.K. (2019). Impact of internal control procedures and monitoring on financial

- performance of saccos in Kenya A case of Tharaka Nithi county. *International Journal in Management and Social Science*. 8(8): 34-45.
- Ngô Thị Ngọc Anh. (2020). Hiệu quả hoạt động của mô hình hợp tác xã kiểu mới ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Công thương*. Truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/hieu-qua-hoat-dong-cua-mo-hinh-hop-tac-xa-kieu-moi-o-nuoc-ta-hien-nay-76416.htm> ngày 20/2/2021.
- Nguyễn Thị Kim Anh & Nguyễn Thị Phương Hoa (2018). Ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thuộc tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 254(2):48-54.
- Quốc hội. (2012). Luật Hợp tác xã. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx> ngày 12/8/2023.
- Schwartzman Y., Vila M., & Parikh T.S. (2010). Automating Internal Control at a Coffee Cooperative using Mobile Phones Improves Efficiency and Accountability. In: Citeseer.
- Shabri S.M., Saad R.A.J. & Bakar A.A. (2016). The Effects of Internal Control Systems on Cooperative's Profitability: A Case of Koperasi ABC Berhad. *International Review of Management Marketing*. 6(8S): 6.
- Shafie N.A., Othman M., Halim M.N., Sanusi Z.M. & Johari R.J. (2018). Do organisational culture and structure enhance internal control effectiveness? Evidence from Malaysian Social Cooperatives. *International Journal of Economics, Finance Business Management Studies*. 4(1): 36.
- ViCEM (2016). Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX nông nghiệp thực trạng và giải pháp. Truy cập từ <https://www.vicemvn.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/18368-rui-ro-trong-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-cua-hTX-nong-nghiep-thuc-trang-va-giai-phap.html> ngày 30/2/2022.
- Vũ Thị Hải, Phí Thị Diễm Hồng & Nguyễn Văn Phương (2022). Thực trạng công tác kế toán tại các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp*. 20(1): 89-97.
- Vũ Thị Hải, Phí Thị Diễm Hồng, Trần Quang Trung & Nguyễn Thanh Bắc. (2023). Thực trạng chuyển đổi số trong hợp tác xã nông nghiệp: tình huống nghiên cứu ở Sơn La. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 307(2): 117-126.
- Zhang Y. & Hui Huang Z. (2014). Identifying risks inherent in farmer cooperatives in China. *China Agricultural Economic Review*. 6(2): 335-354.